



VILAS 595

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No.: 20.05.07.291

1. Tên mẫu: Nước đã qua xử lý  
*Name of sample*
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Trạm cấp nước Ngọc Thụy  
*Name/Address of customer*
3. Mô tả mẫu: Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội  
*Sample description*
4. Ngày nhận mẫu: Trong 01 chai x 1,5L; 01 chai x 500mL  
*Date of receiving sample*
5. Ngày thực hiện thử nghiệm: 07/05/2020  
*The dates of testing activities*
6. Người lấy/gửi mẫu: Khách hàng tự gửi mẫu  
*Sample taking*
7. Kết quả thử nghiệm: 07/05/2020 - 11/05/2020  
*Test results*

TT No.	Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Kết quả <i>Result</i>	Giới hạn tối đa cho phép <i>Regular limit</i> QCVN 01:2009/BYT
1	Coliforms *	TCVN 6187-2:1996 **	MPN/100mL	0	0
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-2:1996 **	MPN/100mL	0	0

8. Nhận xét: Mẫu nước đạt tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống về phương diện vi sinh vật (theo QCVN 01: 2009/BYT)  
*Remarks*  
*This sample complies with the standard on drinking waters in term of microbiology (according to QCVN 01: 2009/BYT)*

Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2020  
*Hanoi, May 11, 2020*

PHÒNG KIỂM NGHIỆM  
*LABORATORY*

ThS. Nguyễn Thành Đông

KHOA XÉT NGHIỆM  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG  
*DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING*

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**Nguyễn Thị Kiều Anh**

1.(\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (\*) *Characteristic recognized by ISO/IEC 17025*  
2.(\*\*) Phương pháp sửa đổi (xác định số MPN theo ISO 7218:2007/Amd 1:2013 (E))  
*Modified method (determination of MPN values using MPN tables given in ISO 7218:2007/Amd 1:2013 (E))*  
3.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.  
4.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/  
*The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.*  
5.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*  
6.Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/  
*Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).*  
7.Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/  
*This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.*



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No.: 20.05.07.291

1. Tên mẫu/Name of sample  
2. Tên/địa chỉ khách hàng  
Name/Address of customer  
3. Mô tả mẫu/Sample description  
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample  
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel  
performing/sending sample(s)  
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates  
of testing activities  
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

Nước đã qua xử lý  
Trạm cấp nước Ngọc Thụy  
Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội  
Trong 01 chai x 1,5L; 01 chai x 500mL  
07/05/2020  
Khách hàng tự gửi mẫu/By customer  
07/05-11/05/2020

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 01:2009
1	Màu sắc /Color	Cảm quan /Sensory		Không màu	Không màu
2	Mùi vị /Odor	Cảm quan /Sensory		Không mùi	Không mùi vị
3	Độ đục /Turbidity	Orbeco- TB300IR Turbidimeter	(NTU)	<0,5	≤ 2
4	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,3	6,5 – 8,5
5	Nitrit / Nitrite (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,1	≤ 3
6	Nitrat /Nitrate	TCVN 6494-1:2011	mg/L	0,4	≤ 50
7	Sắt tổng số / Iron (*)	TCVN 6177:1996	mg/L	<0,05	≤ 0,3
8	Chỉ số Pecmanganat /Pecmanganate Index	TCVN 6186:1996	mg/L	1,6	≤ 2
9	Clorua /Chloride	TCVN 6494-1:2011	mg/L	20,3	≤ 250
10	Độ cứng / Total Calcium and magnesium (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	36	≤ 300
11	Mangan tổng số/ Manganese (*)	TCVN 6002:1995	mg/L	<0,05	≤ 0,3
12	Sunphat /Sunfate	TCVN 6494-1:2011	mg/L	5,2	≤ 250
13	Nitrit / Nitrite (tính theo N)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,01	
14	Nitrat /Nitrate (tính theo N)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	0,1	

PHÒNG KIỂM NGHIỆM  
LABORATORY

CN. Trần Văn An

Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2020/ Hanoi, May 11, 2020  
KHOA XÉT NGHIỆM  
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐÒ CHỨC NĂNG  
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (\*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025  
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.  
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/  
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.  
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/  
Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).  
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/  
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.